CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: - NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ	*Đăk Lăk, ngày 30 tháng 06 năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 30/06/2026;

Ngày 30/06/2026, tại Hội trường Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được tổ chức với sự tham gia của ….. cổ đông sở hữu …… cổ phần chiếm …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình các nội dung, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, cụ thể:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam, ký ngày 16 tháng 03 năm 2026.

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026

Điều 3. Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng năm 2026.

Điều 4. Thông qua báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch công tác năm 2026

Điều 5. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phướng án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

5.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	% TH năm 2025 so với KH 2025
	A	B	(1)	(2)	(2)/(1)
I	**Tổng sản lượng điện thương phẩm**	**kWh**	**75.300.000**	**86.261.492**	**114,56**
	NMTĐ Đrây H'Linh 2	*kWh*	*75.300.000*	*86.261.492*	*114,56*
II	**Tổng doanh thu**	**đồng**	**97.844.659.600**	**105.930.420.066**	**108,26**
1	Doanh thu SXKD:	đồng	94.364.659.600	102.656.163.320	108,79
	NMTĐ Đrây H'Linh 2	*đồng*	*94.364.659.600*	*102.656.163.320*	108,79
	Giá bán điện bình quân	*đồng/kWh*	*1.098*	*1.032*	93,99
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	3.480.000.000	3.274.256.746	94,09
3	Doanh thu khác và thu nhập khác	đồng	-	-	-
III	**Tổng chi phí**	**đồng**	**41.653.315.600**	**44.580.043.817**	**107,03**
1	Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chính	đồng	41.653.315.600	44.580.043.817	107,03
	'NMTĐ Đrây H'Linh 2	đồng	*41.653.315.600*	*44.580.043.817*	*107,03*
2	Chi phí tài chính	đồng	-	-	-
3	Chi phí khác	đồng	-	-	-
IV	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**đồng**	**56.191.344.000**	**61.350.376.249**	**109,18**
1	Tổng lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG)	đồng	56.191.344.000	61.350.376.249	109,18
1.1	*Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)*	*đồng*	*52.711.344.000*	*58.076.119.503*	*110,18*
1.2	*Lợi nhuận hoạt động tài chính*	*đồng*	*3.480.000.000*	*3.274.256.746*	*94,09*
1.3	*Lợi nhuận khác*	*đồng*	-	-	-
2	Lãi/lỗ CLTG (nếu có)	đồng	-	-	-
V	**Thuế TNDN**	**đồng**	**11.238.269.000**	**12.404.231.353**	**110,37**
VI	**Lợi nhuận sau thuế**	**đồng**	**44.953.075.000**	**48.946.144.896**	**108,88**
VII	**Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)**	**%**	**39,64**	**43,87**	**110,69**
VIII	**Cổ tức**	**%**	**44,00**	**47,11**	**107,07**

5.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025		Thực hiện năm 2025		% TH/KH
		(1)		(2)		
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	(2)/(1)
I	**Tổng lợi nhuận được phân phối (1)+(2)**	**45.316.001.917**	**100,00**	**49.309.072.413**	**100,00**	**108,81**
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	44.953.074.400	99,20	48.946.144.896	99,26	108,88
2	Lợi nhuận để lại các năm trước	362.927.517	0,80	362.927.517	0,74	100,00
II	**Phương án phân phối lợi nhuận**	**45.316.001.917**	**100,00**	**49.309.072.413**	**100,00**	**108,81**
1	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
2	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi *(Trích bằng 03 tháng lương, thù lao thực hiện)*	3.169.300.000	6,99	4.417.442.418	8,96	139,38
3	Cổ tức	41.800.000.000	92,24	44.650.000.000	90,55	106,82
	(Cổ tức đã tạm ứng năm 2025)					
	Đợt 1 năm 2025 (20%)	-		*19.000.000.000*		
	Đợt 2 năm 2025 (12%)	-		*11.400.000.000*		
	Dự kiến chi trả cổ tức còn lại của năm 2025 (15%)	-		*14.250.000.000*		
4	Lợi nhuận để lại (I-II.1-II.2-II.3)	346.701.917	0,77	241.629.995	0,49	-

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt.

Đề nghị ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 ủy quyền cho HĐQT Công ty chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2025 chưa chi cho cổ đông của công ty, tương ứng với tỷ lệ là **15,00**%, (tương ứng với số tiền: **14.250.000.000** đồng - Mười bốn tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Điều 6. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

6.1. Các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2025	% KH 2026 /KH 2025
I	**Tổng sản lượng điện thương phẩm**	**kWh**	**75.760.000**	**75.300.000**	**100,61**
	NMTĐ Đrây H'Linh 2	*kWh*	*75.760.000*	*75.300.000*	*100,61*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Kế hoạch năm 2025	% KH 2026 /KH 2025
II	**Tổng doanh thu**	**đồng**	**98.313.995.000**	**97.844.659.600**	**100,48**
1	Doanh thu SXKD điện	đồng	94.843.995.000	94.364.659.600	100,51
	NMTĐ Đrây H'Linh 2	*đồng*	*94.843.995.000*	*94.364.659.600*	*100,51*
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	3.470.000.000	3.480.000.000	99,71
3	Doanh thu khác và thu nhập khác	đồng	-	-	-
III	**Tổng chi phí**	**đồng**	**43.353.703.000**	**41.653.316.600**	**104,08**
1	Chi phí hoạt động SXKD chính	đồng	43.353.703.000	41.653.316.600	104,08
	NMTĐ Đrây H'Linh 2	*đồng*	*43.353.703.000*	*41.653.316.600*	*104,08*
2	Chi phí tài chính	đồng	-	-	-
3	Chi phí khác	đồng	-	-	-
IV	**Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN**	**đồng**	**54.960.292.000**	**56.191.343.000**	**97,81**
1	Tổng lợi nhuận không bao gồm chênh lệch tỷ giá (CLTG)	đồng	54.960.292.000	56.191.343.000	97,81
1.1	*Lợi nhuận SXKD chính (không bao gồm CLTG)*	*đồng*	*51.490.292.000*	*52.711.343.000*	*97,68*
1.2	*Lợi nhuận hoạt động tài chính*	*đồng*	*3.470.000.000*	*3.480.000.000*	*99,71*
1.3	*Lợi nhuận khác*	*đồng*	-	-	-
2	Lãi/lỗ CLTG (nếu có)	đồng	-	-	-
V	**Thuế TNDN**	**đồng**	**10.992.058.000**	**11.238.268.600**	**97,81**
VI	**Lợi nhuận sau thuế**	**đồng**	**43.968.234.000**	**44.953.074.400**	**97,81**
VII	**Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)**	**%**	**40,08**	**39,64**	**101,11**
VIII	**Cổ tức**	**%**	**43,00**	**44,00**	**97,73**

(*): Doanh thu tiền điện được tính theo Biểu giá chi phí tránh được năm 2026 theo quyết định số 392/QĐ-BCT ngày 06/03/2026 của Bộ Công thương ban hành.

(**): Kế hoạch sản lượng và doanh thu tiền điện chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm

6.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: Không trích

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: Vận dụng theo quy định tại Mục b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025

- Tỷ lệ chi cổ tức: **43,00 %**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tỷ lệ, lựa chọn thời điểm, phương thức tạm ứng cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc tạm ứng cổ tức năm 2026 cho cổ đông công ty.

Điều 7. Thống nhất thông qua mức lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Người quản lý năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2026, cụ thể:

7.1. Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, BKS và người quản lý năm 2025:

TT	Chức vụ	Số người	Thù lao (TL) /Tiền lương (L) thực hiện năm 2025	
			Tháng (đồng/người)	Cả năm (đồng)
I	**Hội đồng quản trị**	**5**		**1.359.360.000**
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (L)	1	67.200.000	806.400.000
2	Thành viên HĐQT (TL)	4	11.520.000	552.960.000
II	**Ban Kiểm soát**	**3**		**564.480.000**
1	Trưởng BKS chuyên trách (L) *(Làm việc 03 tháng)*	1	60.000.000	180.000.000
2	Trưởng BKS (TL) *(Làm việc 09 tháng)*	1	12.000.000	108.000.000
3	Kiểm soát viên (TL)	2	11.520.000	276.480.000
III	**Giám đốc (L)**	**1**	**62.400.000**	**748.800.000**
	Tổng cộng			**2.672.640.000**

7.2. Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, BKS năm 2026:

TT	Chức vụ	Số người	Thù lao (TL) /Tiền lương (L) Kế hoạch năm 2026	
			Tháng (đồng/người)	Cả năm (đồng)
I	**Hội đồng quản trị**	**5**		**1.756.800.000**
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách (L)	1	56.000.000	672.000.000

TT	Chức vụ	Số người	Thù lao (TL) /Tiền lương (L) Kế hoạch năm 2026	
			Tháng (đồng/người)	Cả năm (đồng)
2	Thành viên HĐQT (TL)	4	9.600.000	460.800.000
II	**Ban Kiểm soát**	**3**		**350.400.000**
1	Trưởng BKS (TL)	1	10.000.000	120.000.000
2	Kiểm soát viên (TL)	2	9.600.000	230.400.000
III	**Giám đốc (L)**		**52.000.000**	**624.000.000**
	Tổng cộng			**2.107.200.000**

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty sẽ thực hiện quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Người quản lý công ty năm 2026 vận dụng quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/09/2025 của Chính phủ; Quy chế về công tác lao động và tiền lương trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

Điều 8. Thông qua thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2025; Kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2026.

8.1. Thông qua kết quả thực hiện đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2025 chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
	A	*1*	*2*	*(2)/(1)*
I	**Trả nợ gốc vay (nếu có)**	**-**	**-**	
II	**Đầu tư xây dựng**	**4.100.000.000**	**3.872.637.400**	**94,45**
1	Công trình: Xây dựng nhà ăn, nhà nghỉ ca cho công nhân Nhà máy Thủy điện Đrây H'Linh 2. * Quy mô: - Phần xây dựng nhà cấp 4: 300m2; - Đường nội bộ và sân bê tông: 480m2; - Trang bị đầy đủ thiết bị và nội thất phòng nghỉ, phòng bếp và nhà ăn ca.	4.100.000.000	3.872.637.400	94,45
III	**Mua sắm tài sản cố định phục vụ SXKD**	**-**	**-**	**-**
IV	**Khác**	**778.255.200**	**754.907.544**	**97,00**

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
	A	*1*	*2*	*(2)/(1)*
1	Hạng mục: Trạm xử lý nước thải, lọc dầu công suất 20m^3/ngày.đêm và nước thải sinh hoạt công suất 3m^3/ngày.đêm Thuộc công trình: Cấp giấy phép môi trường cho NMTĐ Đrây H'Linh 2	778.255.200	754.907.544	97,00
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	**4.878.255.200**	**4.627.544.944**	**94,86**

8.2. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ năm 2026 chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2026
I	**Trả nợ gốc vay (nếu có)**	**0**
II	**Đầu tư xây dựng**	**867.457.000**
1	Công trình: Nâng cấp, cải tạo sân NMTĐ Đrây H'Linh 2	867.457.000
III	**Mua sắm tài sản cố định phục vụ SXKD**	**2.375.800.000**
1	Mua sắm, thay thế Máy cắt chân không 40,5kV ngoài trời	630.600.000
2	Mua sắm, thay thế máy cắt 0,4kV - 630A	85.000.000
3	Mua sắm, thay thế bơm dầu áp lực số 2 tổ máy H1 và số 1 tổ máy H2 NMTĐ Đrây H'Linh 2	1.360.200.000
4	Mua sắm và thay thế van giảm áp DN150 loại SL200X	100.000.000
5	Mua sắm và thay thế bộ nạp ác quy NMTĐ Đrây H'Linh 2	125.000.000
6	Máy chà sàn đẩy tay	40.000.000
7	Máy đo điện trở tiếp xúc	35.000.000
IV	**Khác (IV.1+IV.2)**	**5.685.604.000**
IV.1	**Công trình đã phê duyệt năm 2025 chuyển tiếp thực hiện năm 2026**	**2.156.661.000**
1	Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H1 NMTĐ Đrây H'Linh 2	2.156.661.000
IV.2	**Các Công trình đề xuất phê duyệt thực hiện năm 2026**	**3.528.943.000**
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống báo cháy tự động NMTĐ Đrây H'Linh 2	565.585.000
2	Nâng cấp hệ thống PLC điều khiển tự động và hệ thống giám sát, đo lường nhiệt độ tổ máy H2 NMTĐ Đrây H'Linh 2	1.107.800.000

STT	Danh mục	Kế hoạch năm 2026
3	Nâng cấp hệ thống rơle bảo vệ khối Máy phát - Máy biến áp tổ máy H1 NMTĐ Đrây H'Linh 2	1.413.358.000
4	Nâng cấp hệ thống đo đếm điện năng NMTĐ Đrây H'Linh 2	442.200.000
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	**8.928.861.000**

Điều 9.Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

Ủy quyền cho HĐQT căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán sau phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
3. Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn Ecovis AFA Việt Nam;

Điều 10. Thông qua việc thực hiện Giao dịch với đối tượng có liên quan.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thuỷ điện - Điện lực 3;

Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua giao dịch bán điện thương phẩm trong năm 2026 của Công ty Cổ phần Thuỷ điện - Điện lực 3 cho Tổng Công ty Điện lực miền Trung theo Hợp đồng mua bán điện số 05/2011/Đrây H'Linh 2/EVN CPC-CF TĐ ĐL3, ngày 31/05/2011 với giá bán điện theo quy định về biểu giá chi phí tránh được năm 2026 theo quyết định số 392/QĐ-BCT ngày 06/03/2026 của Bộ Công thương.

Điều 11. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028 đối với ông Lưu Văn Thuấn.

Điều 12. Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Thông qua danh sách các ứng cử viên tham gia bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026 – 2031 (Xếp theo thứ tự ABC):

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Trần Văn A	

2	Nguyễn Văn B	

Kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2026- 2031 như sau:

TT	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu
1	Trần Văn A	

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30/06/2026.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCKTPHCM; *(để CBTT)*
- Trung tâm Lưu ký CK;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Website: www.pc3hp.com.vn;
- Lưu: VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT

Lưu Văn Thuấn